

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 28-01-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa do không thu thập tài liệu chứng cứ.

Trong ngày 28/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994 ( **Xin vắng mặt**)

Địa chỉ: Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

Hiện nay đang ở Nhật Bản địa chỉ: Kanagawaken-Kawasakishi-takatsuku, Hisamoto 2 Choume 7-12.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S nhận văn bản tố tụng của Tòa án:

Bà Tạ Thị Thủy, sinh năm 1974

Địa chỉ: số nhà 03, ngõ 211, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994 ( **Xin vắng mặt**)

Địa chỉ: số 63, đường Hồ Công Dục, Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng S trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 05/3/2020 tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Sau khi kết hôn thì anh ở lại Việt Nam chung sống với chị T được khoảng 02 tuần rồi quay trở lại Nhật Bản để

làm việc. Thời gian đầu vợ chồng liên lạc qua điện thoại với nhau, tuy nhiên khoảng 1 năm sau khi kết hôn thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng xa nhau nên hay nghi ngờ, không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Do vợ chồng ở xa nhau quá lâu chị T không muốn sang Nhật sinh sống, bản thân anh cũng không về Việt Nam định cư.

Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh T

-Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị T có quan điểm trình bày:

Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh B về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng S. Theo yêu cầu khởi kiện của anh S chị có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định vợ chồng chị đã mâu thuẫn trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh S. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ và trong các phiên tòa xét xử của Tòa án. Chị không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải vụ án của chị. Để sớm ổn định cuộc sống đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Minh T xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hồng S là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Minh T. Bị đơn chị T là người Việt Nam, sinh sống ở địa chỉ: số 63, đường Hồ Công Dục, Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Minh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ

điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S và chị Nguyễn Thị Minh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử thấy: Anh chị kết hôn năm 2020 tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Do vậy xác định hôn nhân của anh S và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh ở lại Việt nam chung sống với chị T được khoảng 02 tuần rồi quay trở lại Nhật Bản để làm việc. Sau khoảng 1 năm anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, chị T cũng xác nhận việc này. Hiện nay anh chị mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Nguyễn Hồng S và chị T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị Minh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Hồng S được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T.

[4]. Về con chung: Anh chị đều xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, Anh chị đều xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng S được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000223 ngày 14/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Nguyễn Hồng S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

### 3. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Hồng S hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Minh T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND phường Hoàng Văn Thụ;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hải Hường**